TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2023/HS-ST
Ngày: 27/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Huấn

Thẩm phán: Ông Vũ Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Tạ Thị Kim Tuyến

3. Bà Trần Thị Như Phương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phong Lan- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 945/2022/HSST ngày 10/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 3957/2023/QĐXXST-HS ngày 31/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12573/2023/HSST-QĐ ngày 18/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Thanh P;** giới tính: nam; tên gọi khác: S; sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số R đường Số D, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (không có nơi cư trú nhất định); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Cao Văn N (chết) và bà Phạm Thị L (sinh năm 1949); có 03 vợ, tên Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị S và Lê Kim H (đều đã ly hôn), có 03 con, con lớn nhất lớn sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

-Ngày 21/02/2012, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thành phố Thủ Đức) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (bản án số 36/2012/HSST)(bl.113);

-Ngày 30/4/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, xử phạt hành chính, phạt 7.500.000đ về hành vi tổ chức đánh bạc;

Tháng 11/2017, bị cáo có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy, ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30/9/2018 đến ngày 08/10/2018 (bản án số 44/2018/HS-ST). Bị cáo kháng cáo, ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử y án sơ thẩm (bản án số 76/2019/HSPT). Khi xét xử, bị cáo được tại ngoại, bị cáo chưa chấp hành bản án vừa nêu (bl.125, 134, 135).

-Ngày 04/6/2020, bị Công an tỉnh V bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 29/4/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 20 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ 04/6/2020, phạt bổ sung 50.000.000đ (bản án số 13/2021/HSST); ngày 11/5/2021, bị cáo kháng cáo kêu oan; ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và tuyên y án sơ thẩm (bản án 209/2022/HS-PT ngày 18/4/2022). Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Cấp cao chưa tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án phúc thẩm số 76/2019/HSPT ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 04/6/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn D**; địa chỉ: số A đường L, Khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Phan Thu T1**; sinh năm 1979; nơi cư trú: số H đường L, Khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H (gọi tắt là HDBank); địa chỉ: 25bis đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Hải L1; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 15/4/2021 và 18/8/2022); vắng mặt;

2.Bà Nguyễn Thị S; sinh năm: 1989; Nơi đăng ký thường trú: số S đường Số D, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3.Ông **Phạm Ngọc A**; sinh năm 1969; nơi cư trú: số T đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

4.Ông Lê Ngọc D1; sinh năm 1980; nơi cư trú: số B đường L, Khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cao Thanh P và vợ là bà Nguyễn Thị S mua chiếc xe ô-tô Ford Transit mang biển số 51B-194.94 với giá 830.000.000đ. Khi mua xe, vợ chồng P trả được 180.000.000đ, còn lại 650.000.000đ thì vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (HDBank) theo Hợp đồng tín dụng số 0511/16/HĐBĐ-184 ngày 02/02/2016. Theo hợp đồng vừa nêu, vợ chồng P vay của HDBank 650.000.000đ, với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 10,4%/năm, tài sản thế chấp đảm bảo là chiếc xe ô-tô đã nêu. Sau khi vay tiền của HDBank, P đã trả cho HDBank 151.691.829đ (bao gồm vốn và lãi), rồi không trả nữa. Ngày 14/4/2017, HDBank khởi kiện P và bà S tại Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức). Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết, vào khoảng tháng 7/2017, P nảy sinh ý định sử dụng chiếc xe đã nêu làm phương tiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện ý định này, thông qua các nền tảng xã hội, bị cáo liên hệ và thuê một người đàn ông (không rõ lai lịch) làm giả một Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô hiệu Ford Transit có biển số là 51B-194.94. Sau đó, bị cáo mang xe ô-tô cùng với giấy chứng nhận đăng ký giả đến tiệm cầm đồ "Nguyễn Duy" tại địa chỉ số A đường L, Khu phố E, phường B, quận T (đăng ký kinh doanh dưới hình thức và tên gọi là H1 kinh doanh cá thể Nguyễn D, do vợ ông D là bà Nguyễn Thị Phan Thu T1 đứng tên làm người đại diện), cầm cố xe để vay tiền. Ông D là người trực tiếp giao dịch với bị cáo và đã cho bị cáo vay tiền 04 lần với tổng số tiền vay là 550.000.000đ, đôi bên ký kết "Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản" đề ngày 09/7/2017. Sau đó, bị cáo trả tiền lãi cho ông D được 02 tháng, rồi không trả nữa nên vào tháng 3/2018, ông D rao bán chiếc xe ô-tô đã nêu. Ngày 16/3/2018, ông Phạm Ngọc A đến tiệm cầm đồ "Nguyễn D" để xem xe và đồng ý mua xe với giá 525.000.000đ; ông Ngọc A trả trước cho ông D 250.000.000đ và hẹn sẽ thanh toán số tiền còn lại khi bị cáo ký giấy bán xe. Ngày 20/4/2018, ông D và ông Ngọc A hẹn và gặp được bị cáo ở một quán cà phê trên địa phận tỉnh Trà Vinh. Tại đây, bị cáo yêu cầu ông D bán xe ô-tô với giá dưới 500.000.000đ thì bị cáo mới ký giấy bán, ông D đồng ý. Sau đó, bị cáo viết "Giấy bán xe" cho ông Ngọc A với giá 495.000.000đ. Ông D giao cho ông Ngọc A giấy chứng nhận đăng ký xe giả mà trước đó bị cáo đã giao cho ông D khi cầm cố xe cho ông D. Theo yêu cầu của ông D, ông Ngọc A giao 245.000.000đ cho một người cháu của ông D.

Ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) mở phiên tòa xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bị cáo với HDBank, phán quyết bằng bản án 81/2018/KDTM-ST ngày 28/11/2018 và

đã tuyên xử: Buộc Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho HDBank 627.130.522đ; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì HDBank được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô-tô Ford Transit biển số 51B-194.94 để trả nợ (bl.102).

Ngày 23/9/2019, ông Ngọc A phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe mà ông D giao cho ông Ngọc A khi bán xe là giấy giả nên đã đến Công an quận T trình báo sự việc. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo nhưng bị cáo bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra Quyết định truy nã. Trong thời gian trốn truy nã, ngày 03/6/2020, bị cáo có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên ngày 04/6/2020 bị Công an tỉnh V bắt và khởi tố. Ngày 29/4/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 20 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 13/2021/HSST. Bị cáo kháng cáo. Ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, phán quyết bằng bản án 209/2022/HS-PT, tuyên xử y án sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã thu giữ (bl.40, 41, 148):

-01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 143237 mang tên Cao Thanh P, biển số xe đăng ký là 51B-194.94 (giấy giả, do ông Ngọc A giao nộp);

-01 "Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản" của Cơ sở dịch vụ cầm đồ Nguyễn Duy so với chữ ký, chữ viết của Cao Thanh P (do ông D giao nộp);

-01 "Giấy bán xe" viết tay đề ngày 20/4/2018, ghi tên người bán là Cao Thanh P, người mua là Phạm Ngọc A.

-01 (một) chiếc xe ô-tô hiệu Ford Transit biển số 51B-194.94, số khung RL3MLTGMCFMR39514, số máy FAP35586DURATORQ4D243H (do ông Phạm Ngọc A giao nộp).

Kết luận giám định số 1733/KLGĐ-TT ngày 14/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận *"Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô mang tên Cao Thanh P, số 143237, biển số đăng ký 51B-194.94, là giả"* (bl.79).

Kết luận giám định số 1926/KLGĐ-TT ngày 15/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *"Chữ ký, chữ viết họ tên Cao Thanh P dưới mục "Bên vay" tại Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản dịch vụ cầm đồ Nguyễn Duy so với chữ ký, chữ viết của Cao Thanh P trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra"*(bl.41,77).

Kết luận giám định số 1514/KLGĐ-TT ngày 31/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "*Chữ ký, chữ viết mang tên Cao Thanh P tại Giấy bán xe mang tên người bán là Cao Thanh P đề ngày 20/4/2018 so với chữ ký, chữ viết của Cao Thanh P trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra"* (bl.40,78).

Trong quá trình điều tra, bị cáo không thừa nhận việc phạm tội. Bị cáo khai rằng bị cáo chỉ thế chấp xe cho ông D để vay 200.000.000đ, với lãi suất 06%/tháng; bị cáo đã trả cho ông D 100.000.000đ nhưng không làm giấy tờ; còn "Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản" ký kết với ông D có nội dung bị cáo vay 550.000.000đ là do ông D làm giả.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Ngọc A yêu cầu Phùng bồi thường 495.000.000đ (bl.44); ông D và H1 kinh doanh cá thể Nguyễn D không yêu cầu bồi thường (bl.47);

Đại diện HDBank yêu cầu được nhận chiếc xe ô-tô Ford Transit biển số 51B-194.94 để thanh lý nợ của bị cáo và bà S đối với HDBank.

Tại bản Cáo trạng số 204/CT-VKS-P2 ngày 20/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo bị cáo khai nhận hành vi khách quan của sự việc như đã được nêu tại phần nội dung vụ án. Tuy nhiên, bị cáo vẫn khai rằng bị cáo không lừa đảo chiếm đoạt 550.000.000đ của ông D như cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh P 13 đến 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 đến 04 năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Tổng hợp các hình phạt vừa nêu với hình phạt 20 (hai mươi) năm tù của bản án hình sự phúc thẩm số 209/2022/HS-PT ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và 02 năm tù của bản án hình sự phúc thẩm số 76/2019/HSPT ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Phạm Ngọc A 495.000.000đ.

Bị cáo bào chữa như sau: Bị cáo thừa nhận là bị cáo có ký vào giấy xác nhận vay của ông D 550.000.000đ. Tuy nhiên, thực tế thì bị cáo chỉ vay của ông D 200.000.000đ, bị cáo đã trả được 100.000.000đ, vì sơ xuất nên bị cáo đã ký vào giấy nhận nợ đã nêu. Bị cáo không có chứng cứ chứng minh nhưng trên

giấy "Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản" có 02 tuồng chữ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên tranh luận như sau: Nội dung bào chữa của bị cáo là không có căn cứ, không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Tại phiên tòa, bị cáo từ chối người bào chữa. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 77 Bộ luật tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo từ chối người bào chữa.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Chiếc xe ô-tô hiệu Ford Transit biển số 51B-194.94, số khung RL3MLTGMCFMR39514, số máy FAP35586DURATORQ4D243H là tài sản chung của bị cáo và bà Nguyễn Thị S (vợ bị cáo), bị cáo là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Bị cáo và bà S đã thế chấp xe cho HDBank để vay 650.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số 0511/16/HĐBĐ-184 ngày 02/02/2016. Khi giao kết hợp đồng, bị cáo và bà S giao Giấy chứng nhận đăng ký xe cho HDBank giữ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vừa nêu, bị cáo đã trả cho HDBank 151.691.829đ (bao gồm vốn và lãi), rồi không trả nữa. Do vậy, ngày 14/4/2017, HDBank đã khởi kiện bị cáo và bà S tại Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), yêu cầu trả nợ. Mặc dù biết rõ rằng chiếc xe ô-tô đã được thế chấp cho HDBank để vay tiền và sẽ bị phát mãi để trả nợ. Tuy nhiên, bị cáo vẫn thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe với các thông tin giống như Giấy chứng nhận đăng ký thật đã giao cho HDBank, rồi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả và mang xe đi cầm cố cho H1 kinh doanh cá thể Nguyễn D, kinh doanh dưới tên gọi "Tiệm cầm đồ Nguyễn D" do bà Nguyễn Thị Phan Thu T1 (vợ ông Lê Ngọc D1) đứng tên đăng ký kinh doanh**,** để chiếm đoạt 550.000.000đ của H1 kinh doanh cá thể Nguyễn Duy . Đến hạn trả tiền, bị cáo không trả tiền để chuộc xe nên ông Nguyễn D đã bán xe cho ông Phạm Ngọc A và đề nghị bị cáo ký vào giấy bán xe. Để che giấu hành

vi phạm tội của mình đối với ông D, bị cáo đồng ý và ký vào giấy bán xe cho ông Ngọc A.

[3].Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai rằng bị cáo chỉ thế chấp xe cho ông D để vay 200.000.000đ, với lãi suất 06%/tháng; bị cáo đã trả cho ông D 100.000.000đ nhưng không làm giấy tờ; còn "Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản" ký kết với dịch vụ cầm đồ Nguyễn D có nội dung bị cáo vay 550.000.000đ là do ông Duy g, do sơ suất nên bị cáo đã ký vào hợp đồng. Tuy nhiên, lời khai này của bị cáo không được ông D thừa nhận. Cũng không có tài liệu chứng minh tính xác thực lời khai của bị cáo. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung bào chữa này.

[4].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính, tạo tâm ký hoài nghi lẫn nhau giữa người và người trong xã hội; hậu quả gây ra là nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[5].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[6].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Ngày 18/4/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù theo bản án hình sự phúc thẩm số 209/2022/HS-PT. Ngày 07/3/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30/9/2018 đến ngày 08/10/2018 theo bản án hình sự phúc thẩm 76/2019/HSPT.

Bị cáo phạm nhiều tội và phải chấp hành nhiều bản án. Do vậy, căn cứ Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[7].Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, xử lý như sau:

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Chu Ngọc A 495.000.000đ.

Đối với Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn D: Trong quá trình điều tra, thể hiện không có yêu cầu gì (bl.47), cần ghi nhận.

Đối với ông D: Theo tài liệu có trong hồ sơ, ông D cho biết không có yêu cầu gì đối với bị cáo, cần ghi nhận.

Đối với chiếc xe ô-tô hiệu Ford Transit biển số 51B-194.94, số khung RL3MLTGMCFMR39514, số máy FAP35586DURATORQ4D243H (do ông Phạm Ngọc A giao nộp): Chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của bị cáo và bà Nguyễn Thị S nhưng đã thế chấp cho HDBank để vay tiền. Hiện tại, bị cáo và bà S cũng chưa trả hết nợ cho HDBank theo bản án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T). Trong quá trình điều tra, HDBank yêu cầu được nhận xe để xử lý nợ, bị cáo và bà S cũng đồng ý. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý giao xe cho HDBank. Căn cứ vào ý chí của các bên, cần giao xe cho HDBank để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8].Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

1.Xử phạt bị cáo **Cao Thanh P** 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp các hình phạt vừa nêu với hình phạt 20 (hai mươi) năm tù của bản án hình sự phúc thẩm số 209/2022/HS-PT ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và 02 (hai) năm tù của bản án hình sự phúc thẩm số 76/2019/HSPT ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/6/2020 và được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 30/9/2018 đến ngày 08/10/2018.

2.Về các biện pháp tư pháp:

Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc bị hại và ông Lê Ngọc D1 không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Giao cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H chiếc xe ô-tô có đặc điểm như sau để xử lý theo quy định của pháp luật: Hiệu: Ford; số loại: Transit; biển số: 51B-194.94; số khung: RL3MLTGMCFMR39514; số máy: FAP35586DURATORQ4D243H (*hiện đang được lưu giữ tại kho của Chi*

cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phiếu nhập kho ngày 25/11/2020)(bl.150).

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Phạm Ngọc A 495.000.000đ (bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường vừa nêu, bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 23.800.000đ (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và được hợp nhất theo văn bản 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội (Luật thi hành án dân sự), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (5)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn